

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 29 - 08 - 2025

V/v "T/c hợp đồng tín dụng".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Dung;
- Ông Nguyễn Chánh Bôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 08 năm 2025, tại Hội trường xét xử A, Tầng trệt - Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 05 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2025/QĐHPT-DS ngày 11 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I, P, phường S (Trước đây là phường B, quận A), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Hải N, sinh năm 2002; địa chỉ: Số B, L, phường X (Trước đây là phường V, quận C), thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền số: 248/GUQ-2024 ngày 31/12/2024.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: KDC A, ấp T, xã T (Trước đây là xã P, huyện Đ), tỉnh Đồng Nai.

(Ông N có đơn xin vắng mặt, bà H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/03/2025, bản tự khai và quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Trần Hải N trình bày:***

Ngày 24/07/2023, Công ty T (Việt Nam) (Viết tắt là Công ty T) ký hợp đồng tín dụng số: 4782314 (Viết tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Phạm Thị H1 với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng, trong đó bao gồm: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm; lãi suất vay: 58%/năm; thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 25/07/2023 đến ngày 25/07/2025. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 24/07/2023, Công ty T đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà Phạm Thị H1 theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty T chuyển khoản vào tài khoản do bà Phạm Thị H1 cung cấp tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4782314.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị H1 đã thanh toán được 3 kỳ với tổng số tiền là 5.378.000 đồng, trong đó bao gồm: 1.084.251 đồng tiền gốc, 4.254.047 đồng tiền lãi và 36.000 đồng tiền phí thu hộ (lịch sử thanh toán cụ thể được thể hiện tại “Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng” đính kèm theo đơn khởi kiện này). Tuy nhiên, kể từ ngày 01/11/2023, bà Phạm Thị H1 đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn. Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Phạm Thị H1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng nhưng bà Phạm Thị H1 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T. Bà Phạm Thị H1 đã không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đồng thời vi phạm nghĩa vụ của mình đối với Công ty T.

Tính đến ngày 29/08/2025, bà Phạm Thị H1 đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau: Nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 20.455.749 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 08 đến kỳ 27, chi tiết tại bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng (đính kèm theo đơn khởi kiện)): 11.445.135 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times$ lãi suất năm \times số tiền gốc phải trả mỗi kỳ \times số ngày trễ hạn/365 ngày): 13.969.790 đồng và tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times$ số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ \times số ngày trễ hạn/365 ngày): 1.422.123 đồng. Như vậy tính đến ngày 29/08/2025, số tiền bà Phạm Thị H1 phải thanh toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là 47.292.798 đồng.

Vì vậy, Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 29/08/2025 với tổng số tiền là: 47.292.798 đồng và lãi phát sinh tính từ 30/08/2025 đến khi đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

****Bị đơn bà Phạm Thị H1 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến trong vụ án.***

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

****Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án. Về thời hiệu vẫn còn theo quy định. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với bà Phạm Thị H1 đề ngày 24/7/2023, buộc bà H1 phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 47.292.798 đồng, trong đó: nợ gốc 20.455.749 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 11.445.135 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 13.969.790 đồng và tiền lãi chậm trả 1.422.123 đồng. Kể từ ngày 30/08/2025, bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền phát sinh quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

[1.1] Về thẩm quyền:

Công ty T (Việt Nam) (Viết tắt là Công ty) khởi kiện bà Phạm Thị H1, sinh năm 1978 có địa chỉ: KDC A, ấp T, xã P, huyện Đ (N là xã T sau sát nhập), tỉnh Đồng Nai thanh toán tiền vay gốc, các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu và đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ: KDC A, ấp T, xã P, huyện Đ (N là xã T sau sát nhập), tỉnh Đồng Nai; hiện đã ly hôn (Bút lục 61). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 11.2 Điều 11 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4782314, ngày đề nghị 21/7/2023, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Định Quán), tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật:

Căn cứ quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Viết tắt là Bộ luật dân sự), xác định Công ty T (Việt Nam) là nguyên đơn, bà Phạm Thị H1 là bị đơn và quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Điều 429 Bộ luật dân sự quy định: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm” nên xác định Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là vẫn còn. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có văn bản ủy quyền số: 248/GUQ-2024 ngày 31/12/2024 (giấy ủy quyền), ủy quyền lại cho ông Trần Hải N làm người đại diện, xét văn bản ủy quyền hợp lệ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Trần Hải N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; còn bị đơn bà Phạm Thị H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà H1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/8/2025 với tổng số tiền là 47.292.798 đồng, trong đó: nợ gốc 20.455.749 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 11.445.135 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 13.969.790 đồng và tiền lãi chậm trả 1.422.123 đồng và kể từ ngày 30/08/2025, bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình làm việc, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4782314 (ngày đề nghị 21/7/2023) ký ngày 24/7/2023, Phiếu báo nợ, căn cước công dân của bà Phạm Thị H1, báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng (Bút lục 38 đến 44)...vv và phần trình bày của đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Công ty T (Việt Nam) với bà Phạm Thị H1 đã ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4782314 (ngày đề nghị 21/7/2023) ngày 24/7/2023 với nội dung: Số tiền vay 21.540.000 đồng, trong đó: Khoản vay 20.000.000 đồng và phí bảo hiểm 1.540.000 đồng; Thời hạn vay: Từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 25/07/2025; Lãi suất hàng năm: 58%/năm; Lãi suất hàng tháng: 4.83%/tháng; Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 150% x (lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn) x (dư nợ gốc hạn) x (số ngày trễ hạn/365 ngày); Tiền lãi chậm trả: 10% x (số dư lãi chậm trả) x (số ngày trễ hạn/365 ngày): 1.422.123 đồng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm...vv. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 24/07/2023, Công ty đã tiến hành giải ngân số tiền vay cho bà Phạm Thị H1 theo hợp đồng tín dụng với số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức: Công ty chuyển khoản vào tài khoản số: 0392822178, tên Phạm Thị H1, mở tại Ngân hàng Q (MB) thể hiện tại Phiếu báo nợ (Bút lục 39 đến 40). Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị H1 đã thanh toán được 3 kỳ với tổng số tiền là 5.378.000 đồng, trong đó gồm: 1.084.251 đồng tiền gốc, 4.254.047 đồng tiền lãi và 36.000 đồng tiền phí thu hộ và kể từ ngày 01/11/2023, bà H1 đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ

cam kết trong hợp đồng tín dụng, được thể hiện tại “Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng” đề ngày 03/01/2025 (Bút lục 43).

Tòa án đã tiến hành tổng đạt (Niêm yết) giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Thị H1 đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến. Bà H1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình tại Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, cung cấp hợp lệ, phù hợp với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và việc ký kết hợp đồng tín dụng của các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, các khoản lãi, tiền lãi chậm trả, phương thức trả nợ...vv phù hợp với các quy định của pháp luật. Nên căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 134, 135, 401, 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 470 của Bộ luật dân sự và các Điều 90, 91, 94, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng xác định hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty có căn cứ nên chấp nhận, buộc bà Phạm Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến hết ngày 29/8/2025 là 47.292.798 đồng, trong đó: nợ gốc 20.455.749 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 11.445.135 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 13.969.790 đồng và tiền lãi chậm trả 1.422.123 đồng. Kể từ ngày 30/8/2025, bà Phạm Thị H1 phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H1 phải chịu 2.364.600 đồng (Làm tròn).

Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 920.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011827 ngày 19/05/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 68, 69, 97, 147, 161, 169, 180, 184, 227, 228, 235, 238, 244, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 115, 116, 117, 119, 149, 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các Điều 7, 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Các Điều 11, 12, 18, 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty T (Việt Nam) đối với bà Phạm Thị H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1. Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 47.292.798 đồng, trong đó: nợ gốc 20.455.749 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 11.445.135 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 13.969.790 đồng và tiền lãi chậm trả 1.422.123 đồng.

Kể từ ngày 30/08/2025, bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng trên, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H1 phải nộp 2.364.600 đồng.

Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 920.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011827 ngày 19/05/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Đồng Nai), tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Đạt

